

TRƯỜNG THPT TIÊN LÃNG
NHÓM: SINH HỌC

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: SINH HỌC 12

Thời gian: 45 phút, không kể thời gian phát đề

MA TRẬN, ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra giữa học kì II.
- Thời gian làm bài: 45 phút.
- Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm
- Cấu trúc:
 - + Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.
 - + Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng/đúng nhất: 16 Câu = 4 điểm;
 - + Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 4 Câu = 16 ý = 4 điểm

1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: SINH HỌC LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tổng điểm
		TNKQ nhiều lựa chọn			TN đúng - sai			TN trả lời ngắn						
		B	H	VD	B	H	VD	B	H	VD	B	H	VD	
1. Di truyền quần thể	1. Di truyền học quần thể	4			2	4	2			2	4	6	4	4,0
2. Bằng chứng và các học thuyết tiến hoá	2.1. Các bằng chứng tiến hóa	3	1		1	2	1				12	6	4	6,0
	2.2. Quan niệm của Darwin về chọn lọc tự nhiên và hình thành loài	1	1											
	2.3. Học thuyết tiến hóa tổng hợp và hiện đại.	3	1		1	2	1			1				
	2.4. Tiến hóa lớn và quá trình phát sinh chủng loại.	1	1							1				
Tổng số câu/lệnh hỏi		12	4		4	8	4			4	16	12	8	36
Tổng số điểm		3,0	1,0		1,0	2,0	1,0			2.0	4,0	3,0	3,0	10đ
Tỉ lệ %		40%			40%			20%			40%	30%	30%	

2. BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: SINH HỌC LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu/lệnh hỏi theo mức độ nhận thức		
			TN nhiều lựa chọn	TN đúng sai	TN trả lời ngắn
1. Di truyền quần thể	1. Di truyền học quần thể	Nhận biết: - Phát biểu được khái niệm quần thể (từ góc độ di truyền học). - Phát biểu được khái niệm di truyền quần thể. - Nêu được cấu trúc di truyền của quần thể ngẫu phối - Mô tả được trạng thái cân bằng di truyền của quần thể. Thông hiểu: - Lấy được ví dụ minh họa quần thể giao phối - Trình bày được các đặc trưng di truyền của quần thể (tần số của các allele, tần số của các kiểu gene). - Trình bày được ảnh hưởng của tự thụ phấn, giao phối gần, ngẫu phối chi phối tần số của các allele và thành phần kiểu gene của một quần thể. - Phân tích được cấu trúc di truyền của quần thể tự thụ phấn và quần thể giao phối gần. - Trình bày được nội dung định luật Hardy – Weinberg - Trình bày được điều kiện nghiệm đúng định luật Hardy – Weinberg Vận dụng: - Giải thích một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tự thụ phấn, giao phối gần như: vấn đề hôn nhân gia đình; vấn đề cho cây tự thụ phấn, động vật giao phối gần giảm năng suất, chất lượng. - Tính được tỉ lệ kiểu gen của quần thể ban đầu sau một số thế hệ tự thụ phấn hoặc giao phối gần. - Giải được các bài tập tổng hợp liên quan đến di truyền quần thể.	4	8	2
2. Bằng chứng và các học thuyết tiến hoá	2.1 Các bằng chứng tiến hóa	Nhận biết: - Nêu được các khái niệm: Cơ quan tương đồng, cơ quan tương tự, cơ quan thoái hóa, bằng chứng tế bào học, bằng chứng sinh học phân tử. - Nhớ lại được ý nghĩa của thuyết cấu tạo tế bào, sự thống nhất trong cấu trúc của ADN và prôtêin các loài. Thông hiểu: - Xác định được cơ quan tương đồng, cơ quan tương tự, cơ quan thoái hóa, bằng chứng tế bào học, bằng chứng sinh học phân tử thông qua các ví dụ.	4	4	

		- Trình bày được các bằng chứng tiến hoá: bằng chứng hoá thạch, giải phẫu so sánh, tế bào học và sinh học phân tử. Vận dụng: - Suy tầm một số bằng chứng hoá thạch tại địa phương hoặc trên mạng			
	2.2. Quan niệm của Darwin về chọn lọc tự nhiên và hình thành loài	Nhận biết: - Nêu được các khái niệm: Biến dị cá thể, chọn lọc tự nhiên, chọn lọc nhân tạo. Thông hiểu: - Trình bày được phương pháp mà Darwin đã sử dụng để xây dựng học thuyết về chọn lọc tự nhiên và hình thành loài (quan sát, hình thành giả thuyết, kiểm chứng giả thuyết).	2		
	2.3. Học thuyết tiến hóa tổng hợp và hiện đại.	Nhận biết: - Nêu được khái niệm tiến hoá nhỏ - Phát biểu được khái niệm thích nghi - Phát biểu được khái niệm loài sinh học. Thông hiểu: - Trình bày được quần thể là đơn vị tiến hoá nhỏ. - Trình bày được các nhân tố tiến hoá (đột biến, di – nhập gene, chọn lọc tự nhiên, yếu tố ngẫu nhiên, giao phối không ngẫu nhiên). - Trình bày được cơ chế hình thành đặc điểm thích nghi. - Lấy được ví dụ minh họa về đặc điểm thích nghi chỉ hợp lí tương đối. - Trình bày được cơ chế hình thành loài mới. Vận dụng: - Giải thích được các đặc điểm thích nghi chỉ hợp lí tương đối.	4	4	1
	2.4. Tiến hóa lớn và quá trình phát sinh chủng loại.	Nhận biết: - Phát biểu được khái niệm tiến hoá lớn. Thông hiểu: - Phân biệt được tiến hoá lớn và tiến hoá nhỏ. Vận dụng: - Phân tích được sự phát sinh chủng loại là kết quả của tiến hoá. - Làm được bài tập suy tầm tài liệu về sự phát sinh và phát triển của sinh giới hoặc của loài người.	2		1